

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh

Kính gửi: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Tờ trình số 2907/TTr-BQLDA ngày 20/11/2023 của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh về thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án như sau:

Phần thứ nhất

TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH VÀ TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

I. HỒ SƠ TÀI LIỆU THẨM ĐỊNH

1. Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án (Tờ trình số 2907/TTr-BQLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh)
2. Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công (Báo cáo số 2905/BC-BQLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh)
3. Báo cáo kết quả thẩm định nội bộ (Báo cáo số 2903/BC-BQLDA ngày 20/11/2023 của Ban QLDA ĐTXD tỉnh)

II. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ THẨM ĐỊNH

1. Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019
2. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015
3. Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công
4. Thông báo số 420-TB/TU ngày 15/02/2023 của Tỉnh ủy Quảng Trị kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên làm việc với Đảng đoàn HĐND tỉnh về chương trình công tác trọng tâm năm 2023
5. Văn bản số 310a/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cải tạo, nâng cấp Trụ sở HĐND tỉnh
6. Văn bản số 5166/UBND-CN ngày 11/11/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao thẩm định nguồn vốn và tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch năm 2021 và giai đoạn 2021-2025

7. Văn bản số 6109/UBND-TH ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án.

III. TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH

1. Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Kế hoạch và Đầu tư
2. Đơn vị phối hợp thẩm định: Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.
3. Hình thức thẩm định: Tổ chức họp thẩm định.

Phần thứ hai

Ý KIẾN THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

I. MÔ TẢ THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh
2. Dự án nhóm: C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.
5. Đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6. Quy mô đầu tư: Sơn và xử lý chống thấm lại nhà làm việc; Sửa chữa Hội trường; Cải tạo các phòng: phòng họp số 1, phòng họp số 2, phòng khách VIP, phòng làm việc Chánh Văn phòng, phòng lưu niệm; Bổ sung, thay thế thiết bị PCCC và thiết bị nội thất; Sửa chữa các hạng mục phụ trợ khác
7. Địa điểm thực hiện dự án: 256 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị
8. Tổng mức đầu tư dự án: 6.200 triệu đồng.
9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh
10. Ngành, lĩnh vực, chương trình sử dụng nguồn vốn: Quản lý nhà nước
11. Thời gian thực hiện: Năm 2024-2025
12. Hình thức đầu tư: Đầu tư công

II. TỔNG HỢP Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Ngày 21/11/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức Hội nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh và đã được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tiếp thu, chỉnh sửa theo các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành (tại Báo cáo số 2919/BC-BQLDA ngày 21/11/2023).

III. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Sau khi nghiên cứu hồ sơ dự án đã được Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh chỉnh sửa, hoàn thiện, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo như sau:

1. Sự cần thiết đầu tư dự án

Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh đưa vào sử dụng từ tháng 7 năm 2014; qua quá trình sử dụng và dưới sự tác động khắc nghiệt của thời tiết, công trình đã xuống cấp. Hiện tượng thấm dột ở nhiều vị trí gây bông rộp, rêu mốc tường; một số vị trí trần thạch cao hội trường đã có hiện tượng phồng rộp, bung vít, rơi tấm trần gây mất an toàn cũng như thẩm mỹ, cần nhanh chóng được cải tạo, sửa chữa để tránh hư hỏng nặng hơn, tốn kém hơn. Hệ thống kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng bị xuống cấp và không đáp ứng được nhu cầu sử dụng, cũng quá thời hạn bảo hành, cần được sửa chữa, nâng cấp. Phòng họp, hội trường, phòng tiếp khách đã có nhưng không đáp ứng đủ và phù hợp với nhu cầu sử dụng, cần được sửa chữa bổ sung, trang bị thêm.

Theo kế hoạch sau khi trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan được xây dựng hoàn thành thì Đoàn Đại biểu Quốc Hội và Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ được bố trí sắp xếp tại đây; tuy nhiên do quy mô công trình lớn, nhiều thủ tục đầu tư nên thời gian để đưa vào sử dụng là khá lâu. Việc nâng cấp, sửa chữa ưu tiên những hạng mục xuống cấp, hư hỏng, thiết yếu cần thiết để phục vụ các đại biểu, các cán bộ trong cơ quan làm việc được trong môi trường tốt, hiệu quả cần được triển khai thực hiện trong nhiệm kỳ này. Đồng thời, về lâu dài sau khi đơn vị mới tiếp nhận vẫn đảm bảo yêu cầu làm việc, không tốn kém chi phí sửa chữa lớn. Do đó, việc đầu tư xây dựng Cải tạo, sửa chữa Hội đồng nhân dân tỉnh là yêu cầu, nhiệm vụ hết sức chính đáng và cấp thiết nhằm đảm bảo điều kiện để các đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình được tốt nhất.

2. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong nội dung hồ sơ trình thẩm định

- Sự tuân thủ về hồ sơ trình thẩm định, bao gồm:

+ Tờ trình đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đảm bảo theo Mẫu số 05, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

+ Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đảm bảo theo quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công, phù hợp với Mẫu 04 phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

+ Báo cáo thẩm định nội bộ đảm bảo theo quy định tại Khoản 4, Điều 9, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

- Trình tự, thủ tục cơ bản đảm bảo theo quy định tại Điều 27 Luật Đầu tư công 2019; trong đó:

+ Cơ quan lập và thẩm định nội bộ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Văn bản số 6109/UBND-TH ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh)

+ Cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư (Văn bản số 5166/UBND-CN ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh).

+ Cơ quan quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh (Khoản 7, Điều 17, Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14).

3. Sự phù hợp với các mục tiêu chiến lược, kế hoạch đầu tư và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch

Phù hợp với kế hoạch tập trung nâng cao chất lượng các kỳ họp, đáp ứng yêu cầu của các đại biểu Quốc hội và cán bộ làm việc trong cơ quan;

Phù hợp với Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại thông báo kết luận số 420-TB/TU ngày 15/02/2023 tại phiên làm việc với Đảng đoàn HĐND tỉnh về chương trình công tác trọng tâm năm 2023 “Về sửa chữa trụ sở làm việc HĐND tỉnh: Đồng ý chủ trương; Đảng đoàn HĐND tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật”.

4. Sự phù hợp với tiêu chí phân loại dự án: Dự án nhóm C, thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước đảm bảo theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật Đầu tư công 2019, Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

5. Các nội dung quy định tại Điều 31 của Luật Đầu tư công

a. Mục tiêu đầu tư: Công trình được cải tạo sửa chữa để chống xuống cấp, hư hỏng; đảm bảo đầy đủ các điều kiện để các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị và các Phòng, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình được tốt nhất. Đồng thời, góp phần xây dựng tạo bộ mặt kiến trúc đô thị của thành phố Đông Hà.

b. Quy mô đầu tư: Thống nhất nội dung quy mô đầu tư đề xuất tại mục II.2.c của Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

c. Hình thức đầu tư: đầu tư công

d. Phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng

- Phạm vi của dự án: nằm trong khuôn viên Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh đang sử dụng, không trùng lặp với các dự án đã được quyết định chủ trương đầu tư hoặc đã có quyết định đầu tư còn hiệu lực.

- Địa điểm: 256 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Diện tích khuôn viên khu đất: 11.150 m²

e. Thời gian, tiến độ thực hiện: Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện và kế hoạch vốn đầu tư cho dự án là 02 năm, từ năm 2024-2025 là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

f. Phương án lựa chọn công nghệ chính: Không.

g. Giải pháp bảo vệ môi trường: Dự án thuộc đối tượng đánh giá sơ bộ tác động môi trường trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo đề xuất

chủ trương đầu tư đã có đánh giá sơ bộ về tác động môi trường và đề xuất các giải pháp để giảm thiểu tác động môi trường đáp ứng yêu cầu.

h. Sơ bộ tổng mức đầu tư: 6.200 triệu đồng

Sơ bộ tổng mức đầu tư sơ bộ được xác định trên cơ sở căn cứ quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng và suất đầu tư các công trình tương tự được đầu tư trên địa bàn trong thời gian vừa qua là đảm bảo quy định tại khoản 1 điều 27 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, gồm các chi phí:

- Chi phí xây dựng

+ Khối lượng: Căn cứ vào hiện trạng và quy mô xây dựng công trình để xác định sơ bộ khối lượng các hạng mục công trình chính của dự án.

+ Suất đầu tư các hạng mục chính: Căn cứ vào suất đầu tư các công trình có các hạng mục, tính chất tương tự với dự án đang thực hiện và đã được thẩm định, phê duyệt trên địa bàn như: Sửa chữa Trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc Hội; Văn phòng làm việc phía Nam - Trung tâm dịch vụ Việc làm tỉnh Quảng Trị; Trụ sở VietComBank,...; bên cạnh đó, đơn vị tư vấn có phân tích, đánh giá yếu tố về trượt giá, yếu tố đặc thù của dự án để điều chỉnh quy đổi về mặt bằng giá phù hợp với thực tế, đồng thời bổ sung những chi phí cần thiết khác của dự án.

- Chi phí thiết bị nội thất: căn cứ báo giá của các đơn vị cung cấp trên hệ thống thông tin mạng, trong quá trình thực hiện việc áp dụng thiết bị sẽ được Sở Tài chính thẩm định giá theo quy định hiện hành.

- Các chi phí khác: Các chi phí có quy định theo định mức thì lấy theo tỷ lệ định mức quy định, các chi phí chưa có theo quy định thì ước tính trên cơ sở các công trình đã được thẩm định và phê duyệt nói trên.

- Chi phí dự phòng: Tính toán theo quy định bao gồm chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng công việc phát sinh và chi phí dự phòng do yếu tố trượt giá theo thời gian thi công công trình (tạm tính).

i. Nguồn vốn và khả năng cân đối vốn

- Nguồn vốn: Ngân sách địa phương cân đối

- Khả năng cân đối vốn:

Tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; khoản dự phòng thực tế còn lại của tỉnh là 44 tỷ đồng (kế hoạch dự phòng còn lại tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 24/10/2023 là 84,65 tỷ đồng, trong đó ưu tiên hỗ trợ khoảng 40,6 tỷ đồng từ điều chỉnh giảm kế hoạch trung hạn của dự án Tuyến đường kết nối cảng hàng không Quảng Trị với Quốc lộ 1 để đầu tư xây dựng các trụ sở công an xã khi đảm bảo thủ tục đầu tư theo quy định).

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất dự kiến điều chỉnh, bổ sung một số hạng mục của dự án Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị từ nguồn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tại văn bản số 5804/UBND-TH ngày 06/11/2023 và trình kỳ họp thứ 21 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Tờ trình số 199/TTr-UBND ngày 19/11/2023.

Như vậy, số vốn dự phòng ngân sách tỉnh còn lại đảm bảo cân đối thực hiện, phù hợp với tổng mức đầu tư của dự án và đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất sử dụng tại văn bản số 310a/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2023 về việc cải tạo, nâng cấp Trụ sở HĐND tỉnh.

1. Khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp vốn vay: Dự án không sử dụng vốn vay.

6. Hiệu quả kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững: Việc xây dựng công trình sẽ đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và cán bộ công chức trong cơ quan Hội đồng nhân dân tỉnh.

7. Phân chia các dự án thành phần: Không.

IV. KẾT LUẬN

Dự án Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh đủ điều kiện để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng thời khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư để đảm bảo điều kiện giao kế hoạch 2024 theo quy định. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, TH.



GIÁM ĐỐC

Trương Chí Trung

BÁO CÁO

Đề xuất chủ trương đầu tư

Dự án: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

(Điều chỉnh theo kết luận tại Hội nghị thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư ngày 21/11/2023)

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/06/2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương;

Căn cứ Văn bản số 310a/HĐND-CTHĐND ngày 01/11/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc cải tạo, nâng cấp trụ sở HĐND tỉnh;

Căn cứ Văn bản số 6109/UBND-TH ngày 18/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc giao lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án.

Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên dự án:** Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Dự án nhóm:** Nhóm C.
- Cấp quyết định chủ trương đầu tư:** HĐND tỉnh Quảng Trị.
- Cấp quyết định đầu tư dự án:** UBND tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư:** Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị.
- Quản lý dự án:** Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện dự án:** Đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 6.200 triệu đồng.
- Thời gian thực hiện:** Năm 2024 - 2025.

II. NỘI DUNG BÁO CÁO:

1. Sự cần thiết của chương trình để thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch.

a. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư:

Trụ sở làm việc Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh Quảng Trị và Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị có hai khối nhà làm việc tiếp giáp với nhau tại vị trí số 254-256 đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà tỉnh Quảng Trị.

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Trụ sở HĐND tỉnh đưa vào sử dụng từ tháng 7 năm 2014; qua quá trình sử dụng và dưới sự tác động khắc nghiệt của thời tiết, công trình đã xuống cấp: Hiện tượng thấm dột ở nhiều vị trí gây bong rộp, rêu mốc tường; một số vị trí trần thạch cao hội trường đã có hiện tượng phồng rộp, bung vít, rơi tấm trần gây mất an toàn cũng như thẩm mỹ, cần nhanh chóng được cải tạo, sửa chữa để tránh hư hỏng nặng hơn, tốn kém hơn. Hệ thống kỹ thuật, âm thanh, ánh sáng bị xuống cấp và không đáp ứng được nhu cầu sử dụng, cũng quá thời hạn bảo hành, cần được sửa chữa, nâng cấp. Phòng họp, hội trường, phòng tiếp khách đã có nhưng không đáp ứng đủ và phù hợp với nhu cầu sử dụng, cần được sửa chữa bổ sung, trang bị thêm.

Theo kế hoạch sau khi trụ sở Tỉnh ủy và các cơ quan được xây dựng hoàn thành thì Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ được bố trí sắp xếp tại đây. Tuy nhiên do khối lượng công trình lớn, nhiều thủ tục nên thời gian để đưa vào sử dụng là khá lâu, vì vậy việc cấp bách trước mắt trong nhiệm kỳ này thì việc nâng cấp, sửa chữa ưu tiên những hạng mục xuống cấp, hư hỏng hoặc thiết yếu cần thiết để phục vụ các đại biểu, các cán bộ trong cơ quan làm việc được trong môi trường tốt, hiệu quả. Về lâu dài sau khi đơn vị mới tiếp nhận vẫn đảm bảo yêu cầu làm việc, không tốn kém chi phí sửa chữa lớn.

Chính vì vậy mà việc đầu tư xây dựng Cải tạo, sửa chữa Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị hội tụ các điều kiện cần và đủ để tiến hành lập chủ trương đầu tư; đây cũng là yêu cầu, nhiệm vụ hết sức chính đáng và cấp thiết nhằm đảm bảo điều kiện để các đại biểu thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình được tốt nhất, đặc biệt là với nhiệm kỳ HĐND tỉnh khóa VIII (2021-2026) và nhiệm kỳ (2026-2031) tới đây mà Nhân dân đã tin tưởng giao phó.

b. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

- Phù hợp với kế hoạch tập trung nâng cao chất lượng các kỳ họp, đáp ứng yêu cầu của các đại biểu Quốc hội và cán bộ làm việc trong cơ quan;

- Đầu tư xây dựng công trình phù hợp với các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: số 137/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; số 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và phù hợp với các mục tiêu, phương hướng phát triển của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020- 2025.

- Phù hợp với Ý kiến của Ban Thường vụ tỉnh ủy tại thông báo kết luận số 420/TB-TU ngày 15/02/2023 đồng ý chủ trương sửa chữa trụ sở HĐND tỉnh.

c. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

- Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng;

- Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; số 35/2023/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng ban hành định mức xây dựng.

d. Kế hoạch đầu tư: Năm 2024 - 2025.

2. Mục tiêu, phạm vi và quy mô dự án

a) Mục tiêu đầu tư:

Đảm bảo điều kiện làm việc của các Phòng, Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Công trình được cải tạo sửa chữa để chống xuống cấp, đảm bảo đầy đủ các điều kiện để các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu của mình được tốt nhất, đặc biệt là với nhiệm kỳ HĐND tỉnh khóa VIII (2021-2026).

Cải tạo để hoàn thiện cơ sở hiện đại, đảm bảo các tiêu chuẩn về trụ sở trong giai đoạn phát triển công nghệ 4.0. Sửa chữa để đảm bảo công trình đáp ứng nhu cầu làm việc của cơ quan đơn vị. Đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và quy chuẩn xây dựng hiện hành, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của các đại biểu.

Góp phần xây dựng tạo bộ mặt kiến trúc đô thị của thành phố Đông Hà.

b) Địa điểm đầu tư xây dựng:

- Công trình cải tạo sửa chữa trên khuôn viên hiện nay nằm tại số 254-256 Hùng Vương, thuộc địa phận phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Vị trí cụ thể của khu đất được xác định như sau:

+ Phía Đông: Giáp đường Hùng Vương.

+ Phía Tây: Giáp khu vực trụ sở Đoàn ĐBQH tỉnh.

+ Phía Nam: Giáp đất Trung tâm Dịch vụ hội nghị tỉnh.

+ Phía Bắc: Giáp khu Lâm viên Cọ dầu.

- Diện tích khuôn viên khu đất: 11.150 m².

c) Quy mô đầu tư:

Cải tạo, sửa chữa bao gồm các hạng mục sau: Sơn và xử lý chống thấm lại nhà làm việc; sửa chữa Hội trường; cải tạo các phòng: Phòng họp số 1; Phòng họp số 2; Phòng khách VIP; Phòng làm việc Chánh Văn phòng; Phòng lưu niệm và sửa chữa các hạng mục phụ trợ khác; Bổ sung, thay thế thiết bị PCCC và thiết bị nội thất.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án.

a) Dự kiến tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư làm tròn dự kiến là: **6.200.000.000 đồng**.

(Bằng chữ: Sáu tỷ, hai trăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.233.075.000 đồng.
- Chi phí thiết bị:	689.150.000 đồng.
- Chi phí QLDA:	123.360.000 đồng.
- Chi phí tư vấn:	470.460.000 đồng.
- Chi phí khác:	87.948.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	596.007.000 đồng.

(Bảng tổng hợp sơ bộ tổng mức đầu tư kèm theo)

b) Cơ cấu nguồn vốn đầu, khả năng cân đối nguồn vốn, nguồn lực để thực hiện dự án:

Dự kiến nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh: 6.200 triệu đồng.

c) Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Năm 2024: 5.000 triệu đồng.

- Năm 2025: 1.200 triệu đồng.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý bảo đảm đầu tư tập trung, có hiệu quả.

- Dự kiến triển khai, hoàn thành dự án trong năm 2024 - 2025 để đáp ứng nhu cầu sử dụng của HĐND tỉnh và phát huy hiệu quả đầu tư, cụ thể:

- Năm 2023: Chuẩn bị dự án gồm:

- + Lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- + Thẩm định, phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.
- + Khảo sát, Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.
- + Thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật.

- Năm 2024: Thực hiện dự án gồm:

- + Mời thầu, lựa chọn nhà thầu xây dựng và cung cấp thiết bị;
- + Tiến hành thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;

- Năm 2025: Thực hiện dự án và kết thúc dự án

- + Hoàn thành công trình đưa vào sử dụng;
- + Quyết toán dự án hoàn thành;
- + Bảo hành công trình (nếu có).

5. Xác định sơ bộ chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành.

5.1. Chi phí trong quá trình thực hiện dự án:

Theo Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, tổng mức đầu tư bao gồm:

a) Chi phí xây dựng:

Bao gồm:

- Chi phí xây dựng các công trình, hạng mục công trình, xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công;
- Trong chi phí xây dựng bao gồm: chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng;

b) Chi phí thiết bị:

Bao gồm:

- Chi phí mua sắm thiết bị công trình và thiết bị công nghệ;
- Chi phí lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh; chi phí vận chuyển, bảo hiểm; thuế và các loại phí, chi phí liên quan khác.

c) Chi phí quản lý dự án:

Gồm các chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án và kết thúc xây dựng đưa công trình của dự án vào khai thác sử dụng.

d) Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm:

- Chi phí tư vấn khảo sát; lập Báo cáo KTKT; thiết kế BVTC và dự toán;
- Chi phí tư vấn Quản lý dự án và giám sát xây dựng công trình;
- và các chi phí tư vấn khác liên quan;

e) Chi phí khác bao gồm:

- Các chi phí không thuộc các nội dung quy định tại các Điểm b, c, d, e nêu trên.

f) Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá:

- Chi phí dự phòng cho công việc phát sinh được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) của tổng các thành phần chi phí;
- Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá được xác định trên cơ sở độ dài thời gian thực hiện dự án, kế hoạch bố trí vốn và chỉ số giá xây dựng hàng năm phù hợp với loại công trình xây dựng có tính đến các khả năng biến động giá trong nước và quốc tế;

5.2. Chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành

a. Quản lý và vận hành

Sau khi công trình được hoàn thành, đơn vị chủ quản và chủ đầu tư công trình sẽ lựa chọn một đơn vị tiếp nhận quản lý vận hành công trình. Đơn vị quản lý công trình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, duy tu bảo dưỡng và báo cáo tình trạng công trình về đơn vị quản lý cấp trên để có những biện pháp xử lý kịp thời.

b. Bảo trì công trình

- Mục đích của bảo trì: Nhằm đảm bảo công trình vận hành đúng nhiệm vụ và chức năng, tăng tuổi thọ của công trình và duy trì làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng.

- Công tác bảo trì công trình bao gồm:
 - + Kiểm tra, kiểm định chất lượng.
 - + Công tác bảo trì, sửa chữa thường xuyên và định kỳ nhưng không làm thay đổi công năng và quy mô công trình.
- Hồ sơ, tài liệu phục vụ công tác bảo trì:
 - + Hồ sơ hoàn công công trình
 - + Các văn bản pháp lý liên quan
 - + Các tiêu chuẩn, qui phạm hiện hành

c. Kinh phí bảo trì công trình

- Hàng năm, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh cần phải lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì công trình theo chế độ hiện hành gồm:

- + Chi phí lập kế hoạch bảo trì công trình.
- + Chi phí kiểm tra công trình thường xuyên và đột xuất.
- + Chi phí bảo dưỡng công trình.
- + Chi phí kiểm định chất lượng công trình.
- + Chi phí sửa chữa công trình định kỳ và đột xuất.
- + Chi phí quản lý hồ sơ công trình.

- Kinh phí bảo trì công trình (bao gồm cả chi phí lập kế hoạch bảo trì công trình, kiểm tra công trình thường xuyên, định kỳ, đột xuất, chi phí lập và quản lý hồ sơ bảo trì công trình) được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm so với chi phí xây dựng và chi phí thiết bị công trình (không bao gồm phần thiết bị công nghệ của công trình) tính theo suất vốn đầu tư của công trình cùng loại và cùng cấp tại thời điểm lập kế hoạch bảo trì công trình.

d. Quy trình vận hành

- Thường xuyên theo dõi diễn biến công trình đặc biệt trước và sau mùa mưa lũ để khắc phục kịp thời sự cố nếu có.

- Sau khi bàn giao đưa vào khai thác, đơn vị quản lý sẽ có phương án khai thác, duy trì và sửa chữa để công trình vận hành hiệu quả.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

a) Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường, xã hội

**** Hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án:***

Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh sẽ được xây dựng trên vị trí đã được Quy hoạch. Xung quanh khu vực xây dựng dự án chủ yếu đường giao thông và trụ sở làm việc các cơ quan nên toàn khu vực nhìn chung chưa bị ô nhiễm.

**** Những yếu tố ảnh hưởng đến môi trường khi thực hiện dự án:***

• Giai đoạn thi công xây dựng:

Tác động đến môi trường không khí:

(i) Bụi: Xe chở nguyên liệu từ ngoài vào do đó sẽ có bụi phát sinh từ các xe máy, vật liệu rơi vãi từ các xe vận chuyển;

(ii) Khí thải: Các động cơ trong khi vận hành thải ra không khí CO, CO₂, NO_x, SO_x và bụi. Lượng khí thải và bụi phụ thuộc vào các loại xe máy sử dụng trên công trường;

(iii) Tiếng ồn: Tiếng ồn từ hoạt động phá dỡ một số vật liệu hoàn thiện cũ để thay thế.

Tác động đến môi trường nước:

Nước thải từ khu vực thi công gồm nước mưa và nước thải sinh hoạt có thể có những tác động tiêu cực đến môi trường khu vực xung quanh như sau:

+ Nước mưa chảy từ khu vực đang mức, ứ ra ngoài có mang theo khối lượng bùn đất lớn, ngoài ra còn có lẫn dầu mỡ do rơi vãi từ các xe máy thi công.

+ Trong nước thải sinh hoạt có chứa nhiều tác nhân độc hại và các loại vi trùng, vi khuẩn ... Do đó có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước bởi các chất hữu cơ và vi khuẩn.

• *Giai đoạn vận hành:*

Ô nhiễm môi trường nước:

+ Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt:

➤ Nguồn gốc, lưu lượng: Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, sửa chữa công trình khi đi vào hoạt động là hội họp, làm việc của các Đại biểu và cán bộ công chức. Do vậy, nước thải từ quá trình hoạt động của dự án chủ yếu là nước thải sinh hoạt và từ các khu vệ sinh.

➤ Thành phần, tính chất nước thải: Đặc trưng của loại nước thải này là có nhiều chất lơ lửng, nồng độ chất hữu cơ cao (từ các khu nhà vệ sinh), nếu không được tập trung và xử lý sẽ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước bề mặt. Ngoài ra, khi tích tụ lâu ngày, các chất hữu cơ này sẽ bị phân hủy gây ra mùi hôi thối. Do đó, Chủ đầu tư dự án sẽ có các biện pháp tích cực để không chế nguồn ô nhiễm này.

+ Ô nhiễm do nước mưa chảy tràn:

➤ Bản thân nước mưa không làm ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, nếu không có các biện pháp tiêu thoát tốt sẽ gây nên tình trạng ứ đọng nước mưa, tạo ảnh hưởng xấu đến môi trường.

➤ Như vậy, nước mưa được coi là sạch nên có thể thải trực tiếp ra cống thoát nước mà không qua xử lý. Dự án sẽ thiết kế tách riêng đường thoát nước mưa ra khỏi đường thoát nước thải. Đường thoát nước mưa sẽ có bộ phận chắn rác trước khi đổ vào hệ thống cống thoát nước khu vực.

+ Ô nhiễm do chất thải rắn:

➤ Lượng rác thải phát sinh chủ yếu là rác sinh hoạt từ hoạt động hội họp. Dự báo thành phần và khối lượng rác sinh hoạt phát sinh từ dự án như sau:

➤ Thành phần rác sinh hoạt: chủ yếu là rác từ bệnh nhân (giấy, báo, kim kẹp, bao bì, nhựa, nylon...) và một ít phân rác sinh hoạt.

➤ Như vậy, tổng lượng rác phát sinh từ 0,3 kg/người/ngày khoảng 120 kg/ngày bình thường. Lượng rác này nếu không được thu gom và quản lý đúng cách sẽ là nguồn ô nhiễm đáng kể ảnh hưởng đến cả môi trường đất, nước,

không khí lẫn cảnh quan xung quanh. Phần rác không tự tiêu sẽ được thu gom xử lý theo các quy định hiện hành.

*** Các giải pháp bảo vệ môi trường:**

• *Giai đoạn thi công xây dựng:*

Giảm lượng bụi, khí và tiếng ồn trong khi san ủi mặt bằng: Việc giảm lượng bụi và khí thải trong quá trình thi công san ủi mặt bằng có thể thực hiện bằng các giải pháp sau:

- Sử dụng xe, máy thi công có lượng thải khí, bụi và độ ồn thấp hơn giới hạn cho phép

- Sử dụng nhiên liệu đốt cho các loại xe, máy có lượng lưu huỳnh thấp.

- Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân.

• *Giai đoạn vận hành:*

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt ra khu xử lý của khu vực. Nước được xử lý mới cho thoát ra môi trường xung quanh.

- Bố trí thùng rác công cộng trong toàn khu vực, tổ chức thu gom toàn bộ rác thải hàng ngày trong khu vực, phân thành các loại rác sinh hoạt để có biện pháp tập kết về nơi xử lý theo quy định.

- Tổ chức trồng cây cảnh, thảm cỏ, vườn hoa tạo cảnh quan đẹp, được chăm sóc thường xuyên tạo môi trường trong sạch thoáng mát.

*** Đánh giá ảnh hưởng đến môi trường xã hội:**

- Các yếu tố tiêu cực:

+ Công trình là nơi hội họp thường xuyên vì vậy có thể trong quá trình thi công sẽ gây ảnh hưởng tiếng ồn và khói bụi.

+ Trụ sở cũng là có vị trí trung tâm đô thị vì vậy các phương tiện vào ra sẽ có tác động đến môi sinh.

- Các yếu tố tích cực:

+ Công trình được xây dựng được sự ủng hộ, nhất trí cao của các đại biểu và cán bộ công chức đơn vị.

+ Công trình được xây dựng sẽ tạo được điểm nhấn về kiến trúc và cảnh quan, góp phần tạo dựng hình ảnh bộ mặt của cơ quan quyền lực của Nhân dân.

+ Công trình góp phần cơ bản về phát triển cơ sở hạ tầng khu vực.

+ Công trình góp phần nâng cao chất lượng các kỳ họp của HĐND tỉnh.

- Giải pháp khắc phục yếu tố tiêu cực:

+ Trước khi thi công công trình phải che chắn đảm bảo môi sinh, môi trường.

+ Về các ảnh hưởng khác nêu trên thì biện pháp chủ động phòng ngừa là hết sức quan trọng.

- **Kết luận:** Xét về khía cạnh môi trường thì tác động tiêu cực đều có thể xử lý được, việc thực hiện dự án về căn bản sau khi được xử lý theo quy định sẽ không có tác động xấu tới môi trường trong khu vực nói riêng và môi trường của TP. Đông Hà.

b) Xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về kinh tế - xã hội:

Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị nhằm chống xuống cấp cho công trình, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong công tác của các đại biểu và cán bộ công chức trong cơ quan.

7. Các giải pháp tổ chức thực hiện.

- Cấp quyết định chủ trương đầu tư: HĐND tỉnh Quảng Trị.
- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Quảng Trị.
- Chủ đầu tư: Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị.
- Quản lý dự án: Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Quảng Trị.

III. KẾT LUẬN

Trên đây là Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư công trình Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị. Kính trình các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh;
- PGĐ Trương Hữu Hiếu;
- Lưu: VT, KHTC.



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP SƠ BỘ TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
Công trình: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị
(Kèm theo Báo cáo số 2919/BC-BQLDA ngày 21/11/2023)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				3.848.250.000	384.825.000	4.233.075.000	Gxd
1	Sơn và xử lý chống thấm nhà làm việc			(1+2+3+4)	2.576.950.000	257.695.000	2.834.645.000	
	Chống thấm tường mặt sau (Các mặt tường sau hội trường và phòng lưu trữ)			600m ² *250.000đ/m ²	150.000.000	15.000.000	165.000.000	
1.1	Sơn lại nhà làm việc và các hành lang			(1990m ² *2)*3*160.000 đ/m ²	1.910.400.000	191.040.000	2.101.440.000	
1.2	Chống thấm chân tường hành lang tầng 1			687m ² *300.000đ/1m ²	206.100.000	20.610.000	226.710.000	
1.3	Chống thấm sê nô mái			887m ² *350.000đ/m ²	310.450.000	31.045.000	341.495.000	
2	Sửa chữa Hội trường				252.300.000			
2.1	Thay trần thạch cao			270m ² *250000đ/m ²	67.500.000	6.750.000	74.250.000	
2.2	Óp vách hậu sân khấu			121m ²	169.400.000	16.940.000	186.340.000	
2.3	Thay bóng đèn downlight			77 cái tạm tính*200.000/cái	15.400.000	1.540.000	16.940.000	
3	Phòng họp 1 cải tạo thành Phòng làm việc chủ tịch HĐND			80m ² *4.500.000đ/1m ²	360.000.000	36.000.000	396.000.000	
4	Phòng khách Vip cải tạo thành Phòng họp thường trực			152m ² *2.500.000đ/1m ²	380.000.000	38.000.000	418.000.000	
5	Phòng họp số 2 cải tạo thành Phòng khách VIP			68m ² *2.000.000đ/1m ²	136.000.000	13.600.000	149.600.000	
6	Cải tạo phòng làm việc Chánh văn phòng			22m ² *1.500.000đ/1m ²	33.000.000	3.300.000	36.300.000	
6	Phòng lưu niệm			22m ² *5.000.000đ/1m ²	110.000.000	11.000.000	121.000.000	
II	Chi phí thiết bị PCCC và nội thất			Tạm tính	626.500.000	62.650.000	689.150.000	Gtb

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
III	Chi phí quản lý dự án	3,446%	0.8	(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	123.360.000		123.360.000	Gqlda
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			tv1+...+tv12	427.691.620	42.768.337	470.460.000	Gtv
1	Chi phí khảo sát đánh giá hiện trạng			Tạm tính	15.000.000	1.500.000	16.500.000	tv1
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	450.000	45.000	495.000	tv2
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư 11/2021/TT-BXD)	4,86%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	217.607.093	21.760.709	239.368.000	tv3
4	Chi phí thẩm tra thiết kế	0,258%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	9.928.485	992.849	10.921.000	tv4
5	Chi phí thẩm tra dự toán	0,25%		(Gxd) trước thuế x tỷ lệ	9.620.625	962.063	10.583.000	tv5
6	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,432%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	16.624.440	1.662.444	18.287.000	tv6
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,367%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	2.299.255	229.926	2.529.000	tv7
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư 11/2021/TT-BXD)	3,285%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	126.415.013	12.641.501	139.057.000	tv8
9	Chi phí giám sát thi công thiết bị (Thông tư 12/2021/TT-BXD)	0,844%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	5.287.660	528.766	5.816.000	tv9
10	Chi phí giám sát khảo sát	4,072%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	610.800	61.080	672.000	tv10
11	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.924.125	192.000	2.116.000	tv11
12	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu (Nghị định 63/2014/NĐ-CP)	0,05%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	1.924.125	192.000	2.116.000	tv12
13	Chi phí thẩm định giá			Tạm tính	20.000.000	2.000.000	22.000.000	tv13
V	Chi phí khác			k1+...+k4	83.182.641	4.765.300	87.948.000	Gk

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
1	Chi phí bảo hiểm công trình (Nghị định 67/2023/NĐ-CP)	0,500%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	22.374.000	2.237.000	24.611.000	k1
2	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Thông tư 28/2023/TT-BTC)	0,019%		Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	742.537		743.000	k2
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán (Thông tư 99/2021/TT-BTC)	0,57%		Tổng mức đầu tư sau loại trừ chi phí dự phòng x tỷ lệ	22.276.102		22.276.000	k3
4	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 27/2023/TT- BTC)	0,165%			6.350.000		6.350.000	k4
5	Chi phí thẩm định thiết kế (Thông tư 27/2023/TT- BTC)	0,160%			6.157.000		6.157.000	k5
6	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	20,000%		Tạm tính	25.283.003	2.528.300	27.811.000	k6
VI	Chi phí dự phòng			10% x (Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk)	541.824.861	54.182.486	596.007.347	Gdp
	Tổng cộng			(Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk+Gdp)	5.650.809.121	549.191.123	6.200.000.347	Gxdct
	Làm tròn						6.200.000.000	
Sáu tỷ, hai trăm triệu đồng								

